TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2020/DS-ST
Ngày: 14-9-2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Huỳnh H, sinh năm 1974 (có mặt);

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H1, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Lô 15, xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 05/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Huỳnh H trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị có tổ chức góp hụi, chị Lê Thị H1 tham gia góp 07 dây hụi như sau:

1 - Ngày 10/01/2016 âl, chị có mở dây hụi loại 1.000.000 đồng, gồm có 33 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, chị Lê Thị H1 có tham gia góp 02 phần, góp hụi sống 05 lần lĩnh, còn phần hụi sống thì không góp hụi nữa, nợ lại 01 phần hụi chết 28 lần với số tiền 28.000.000 đồng, trừ lại 01 phần hụi sống 05 lần chưa lĩnh 5.000.000 đồng. Dây hụi này chị Lê Thị H1 còn nợ chị số tiền 23.000.000 đồng.

2- Ngày 20/01/2016 âl, chị có mở dây hụi loại 1.000.000 đồng, gồm có 28 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, chị Lê Thị H1 có tham gia góp 02 phần, góp hụi sống 07 lần lĩnh, còn phần hụi sống thì không góp hụi nữa, nợ lại 01 phần hụi chết 21 lần với số tiền 21.000.000 đồng, trừ lại 01 phần hụi sống 07 lần chưa lĩnh với số tiền 7.000.000 đồng. Dây hụi này chị Lê Thị H1 còn nợ chị số tiền 14.000.000 đồng.

3- Ngày 25/01/2016 âl, chị có mở dây hụi loại 500.000 đồng, gồm có 29 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, chị Lê Thị H1 có tham gia góp 03 phần, góp hụi sống 06 lần lĩnh 02 phần, còn phần hụi sống thì không góp hụi nữa, nợ lại 02 phần hụi chết 23 lần với số tiền 23.000.000 đồng (500.000 đồng x 23 lần x 02 phần), trừ lại 01 phần hụi sống 06 lần chưa lĩnh với số tiền 3.000.000 đồng. Dây hụi này chị Lê Thị H1 còn nợ chị số tiền 20.000.000 đồng.

4- Ngày 15/02/2016 âl, chị có mở dây hụi loại 1.000.000 đồng, gồm có 30 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, chị Lê Thị H1 có tham gia góp 02 phần, góp hụi sống 02 lần lĩnh, góp đến lần thứ 04 thì lĩnh hết 02 phần hụi không góp hụi nữa, nợ lại 26 lần hụi chết với số tiền 52.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 26 lần x 02 phần), còn nợ lại chị số tiền 52.000.000 đồng.

5- Ngày 05/5/2016 âl, chị có mở dây hụi loại 500.000 đồng, gồm có 33 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 05 hàng tháng, chị Lê Thị H1 có tham gia góp 03 phần, góp hụi sống đến lần thứ 07 lĩnh 01 phần thì không góp hụi nữa, nợ lại 01 phần hụi chết 26 lần với số tiền 13.000.000 đồng, trừ lại 02 phần hụi sống 07 lần chưa lĩnh với số tiền 7.000.000 đồng. Dây hụi này chị Lê Thị H1 còn nợ chị số tiền 6.000.000 đồng.

6- Ngày 20/8/2016 âl, chị có mở dây hụi loại 5.000.000 đồng, gồm có 13 phần, 04 tháng mở 01 lần vào ngày 20 của tháng, chị Lê Thị H1 có tham gia góp 01 phần, góp hụi sống đến lần thứ 03 lĩnh, không góp hụi nữa, nợ chị hụi chết 10 lần với số tiền 50.000.000 đồng.

7- Ngày 30/10/2016 âl, chị có mở dây hụi loại 1.000.000 đồng, gồm có 31 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 30 hàng tháng, chị Lê Thị H1 có tham gia

góp 02 phần, góp hụi sống 02 lần lĩnh, còn phần hụi sống, góp hụi đến lần thứ 07 thì không góp hụi nữa, nợ lại 01 phần hụi chết 24 lần với số tiền 24.000.000 đồng, trừ lại 01 phần hụi sống 07 lần chưa lĩnh với số tiền 7.000.000 đồng. Dây hụi này chị Lê Thị H1 còn nợ chị số tiền 17.000.000 đồng.

Tổng 07 dây hụi nói trên đến nay đã mãn, chị Lê Thị H1 nợ chị tiền hụi chết là 182.000.000 đồng. Vào tháng 01/2019 mẹ ruột của chị H1 tên Trần Thị C1, địa chỉ: ấp L 15, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang trả thay cho chị Lê Thị H1 3.000.000 đồng, chị Lê Thị H1 còn nợ chị 179.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị Lê Thị H1 phải trả cho chị số tiền hụi chết là 179.000.000 đồng.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2020, người làm chứng bà Trần Thị C trình bày như sau*:

Bà là mẹ ruột của chị Lê Thị H1, chị Phạm Thị Huỳnh H có đến nhà bà tìm chị Lê Thị H1 con của bà và nói chị H1 còn nợ số tiền hụi 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng, bà không biết rõ chị H1 nợ chị H số tiền chính xác là bao nhiêu và tham gia góp bao nhiêu dây hụi. Bà bị bệnh, ít khi đi ra ngoài nên bà không nghe chị H1 tham gia góp hụi như thế nào, chị H1 thường xuyên đi làm ăn ít khi về nhà mà thường xuyên có gọi điện về. Bà xác định chị H1 giao cho bà 3.000.000 đồng để trả cho chị H là không có, mà bà chỉ biết chị H1 con của bà có tham gia góp hụi với chị H, địa chỉ của chị H1 hiện nay bà không biết cụ thể.

* *Bị đơn chị Lê Thị H1*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị H1 biết để chị H1 có ý kiến về việc chị Phạm Thị Huỳnh H yêu cầu chị H1 trả số tiền hụi còn nợ nhưng chị H1 không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng minh nhân dân Phạm Thị Huỳnh H và sổ hộ khẩu, Đơn xin xác nhận tình trạng nơi cư trú của đương sự ngày 04/11/2019, Biên nhận ngày 28/4/2019, Danh sách tham gia góp hụi áp ngày 10/01/2016, ngày 20/01/2016, ngày 25/01/2016, ngày 15/02/2016, ngày 05/5/2016, ngày 20/8/2016 và ngày 30/10/2016, Biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Trần Thị C ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

* *Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Huỳnh H yêu cầu chị Lê Thị H1 trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 179.000.000 đồng, trả đủ 01 lần, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Lê Thị H1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của chị Phạm Thị Huỳnh H yêu cầu Lê Thị H1 trả cho chị số tiền hụi còn nợ 179.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Huỳnh H khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Lê Thị H1 trả tiền hụi còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp L15, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị H1 biết và ấn định thời gian để chị H1 có ý kiến về việc chị Phạm Thị Huỳnh H khởi kiện đối với chị H1 trả tiền hụi nhưng chị H1 không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ

án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị H1 nhưng chị H1 vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai chị H không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Huệ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng góp hụi giữa chị Phạm Thị Huỳnh H và chị Lê Thị H1 xác lập hợp đồng bằng lời nói, hụi có lãi và có hoa hồng, khi đó chị H có lập danh sách những người tham gia góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biêu, phường.

Xét khởi kiện của chị Phạm Thị Huỳnh H yêu cầu chị Lê Thị H1 trả số tiền hụi còn nợ là 179.000.000 đồng; chị Lê Thị H1 không ý kiến gì đối với yêu cầu của chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng, ý kiến trình bày và yêu cầu của chị H và người làm chứng bà Trần Thị C phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể danh sách tham gia góp hụi áp các ngày 10/01/2016, ngày 20/01/2016, ngày 25/01/2016, ngày 15/02/2016, ngày 05/5/2016, ngày 20/8/2016, ngày 30/10/2016, Biên nhận ngày 28/4/2019 của chị Lê Thị H1 (Từ búc lụt số 42 đến số 47, búc lụt số 56) có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, chị H khởi kiện yêu cầu chị H1 trả tiền hụi còn nợ nhưng từ khi thụ lý vụ án giải quyết cho đến nay chị H1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H là có thật và thuộc trường hợp chị H1 thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của chị H đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị H, buộc chị Lê Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Huỳnh H số tiền hụi còn nợ là 179.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biêu, phường.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Lê Thị H1 phải trả cho chị Phạm Thị Huỳnh H số tiền hụi còn nợ là 179.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị Lê Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.950.000 đồng (179.000.000 đồng x 5%).

Chị Phạm Thị Huỳnh H không phải chị án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Phạm Thị Huỳnh H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.575.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008485 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/9/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Sang).

Trần Văn Thảo